

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TUY PHƯỚC ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH

**Niêm yết công khai Thông báo chủ trương thu hồi đất để thực hiện Dự án: Cải tạo tuyến đường cong,
nền mặt đường đoạn tuyến từ Km7+300 - Km8+300, tuyến ĐT.640, đoạn qua xã Tuy Phước Đông**
(Kèm theo Thông báo số 64/TB-UBND ngày 04/9/2025 của UBND xã)

STT	Chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ địa chính	Số thửa	Địa chỉ	Diện tích	Diện tích thu hồi	Diện tích còn lại	Loại đất	Ghi chú
1	UBND xã	63		Thôn Kỳ Sơn	52,6	7,9	44,7	DTL	
2	UBND xã	63		Thôn Kỳ Sơn	130,8	130,8	0,0	DTL	
3	UBND xã	64		Thôn Kỳ Sơn	17,6	2,4	15,2	DTL	
4	UBND xã	64		Thôn Kỳ Sơn	149,5	91,7	57,8	DTL	
5	UBND xã	64		Thôn Kỳ Sơn	27,2	2,4	24,8	DGT	
6	UBND xã	64		Thôn Kỳ Sơn	57,5	0,9	56,6	DGT	
7	UBND xã	64		Thôn Kỳ Sơn	40,6	0,8	39,8	DTL	
8	UBND xã	64		Thôn Kỳ Sơn	62,1	4,2	57,9	DTL	
9	UBND xã	64		Thôn Kỳ Sơn	3975,3	3489,3	486,0	DGT	
11	UBND xã	63		Thôn Kỳ Sơn	114,5	0,2	114,3	DGT	
12	UBND xã	63		Thôn Kỳ Sơn	9291,8	7098,3	2193,5	DGT	
15	UBND xã	63		Thôn Kỳ Sơn	386,6	307,1	79,5	DTL	
18	UBND xã	64		Thôn Kỳ Sơn	95	41,9	53,1	DTL	
19	UBND xã	63		Thôn Kỳ Sơn	100,6	13,2	87,4	DTL	
	Nguyễn Thị Tám	63	1	Thôn Kỳ Sơn	93,9	5,3	88,6	ONT	

21	Hồ Xuân Bình	64	1	Thôn Kỳ Sơn	125,1	10,6	114,5	ONT	
22	Tịnh Xá Ngọc Vân	64	2	Thôn Kỳ Sơn	2310,2	76,2	2234,0	TON	
23	Nguyễn Đình Phương	63	2	Thôn Kỳ Sơn	89,9	4,9	85,0	ONT	
24	Nguyễn Thị Phát	63	3	Thôn Kỳ Sơn	307,9	14,4	293,5	ONT	
25	Mai Thị Hương	64	3	Thôn Kỳ Sơn	487,8	39,3	448,5	ONT	
26	UBND xã	63	4	Thôn Kỳ Sơn	4676,1	48,8	4627,3	BCS	
27	Lê Thanh Bình	64	4	Thôn Kỳ Sơn	333	7,5	325,5	ONT	
28	Nguyễn Văn Huệ	64	5	Thôn Kỳ Sơn	317	6,7	310,3	ONT	
29	UBND xã	63	5	Thôn Kỳ Sơn	367	16	351,0	HNK	
30	Trương Văn Vịnh	64	6	Thôn Kỳ Sơn	230,6	1,9	228,7	ONT	
31	Hồ Đức Long	63	6	Thôn Kỳ Sơn	114	1,2	112,8	ONT	
32	Nguyễn Thị Nay	64	7	Thôn Kỳ Sơn	254,3	2,3	252,0	ONT	
33	Lê Đăng Hải	64	8	Thôn Kỳ Sơn	301,1	1,2	299,9	ONT	
34	Trần Văn Thống	64	9	Thôn Kỳ Sơn	446,1	0,3	445,8	ONT	
35	Trần Xuân Cảnh	64	18	Thôn Kỳ Sơn	512,6	11,7	500,9	ONT	
36	Trần Văn ánh	64	19	Thôn Kỳ Sơn	219	8,1	210,9	ONT	
37	Phan Văn Thực	64	23	Thôn Kỳ Sơn	999,1	10	989,1	ONT	
38	Trần Ngọc ánh	64	26	Thôn Kỳ Sơn	282,6	9,7	272,9	ONT	
39	Nguyễn Ngân	64	27	Thôn Kỳ Sơn	147,1	9,7	137,4	ONT	
40	Phan Lộc	64	28	Thôn Kỳ Sơn	159,5	16,5	143,0	ONT	
41	Đặng Văn Giới	64	29	Thôn Kỳ Sơn	135,6	14,1	121,5	ONT	
42	Nguyễn Văn Huệ	64	30	Thôn Kỳ Sơn	209,6	2,5	207,1	ONT	
43	Phan Văn Liêm	64	33	Thôn Kỳ Sơn	203,2	4	199,2	ONT	
44	Trịnh Thị Thanh Châu	64	34	Thôn Kỳ Sơn	267,3	4,8	262,5	ONT	
45	Hồ Viết Hùng	64	35	Thôn Kỳ Sơn	116,5	3,5	113,0	ONT	

46	Từ Văn Cường	64	36	Thôn Kỳ Sơn	215,6	14,8	200,8	ONT	
47	Đào Huệ	64	37	Thôn Kỳ Sơn	141	23,4	117,6	ONT	
48	Trịnh Văn Sáu	64	38	Thôn Kỳ Sơn	665,4	9	656,4	ONT	
49	Đặng Khắc Đỉnh	64	39	Thôn Kỳ Sơn	166	3,1	162,9	ONT	
50	Nguyễn Văn Hùng	64	40	Thôn Kỳ Sơn	108,1	1,1	107,0	ONT	
51	Nguyễn Thị Lan Thanh	64	41	Thôn Kỳ Sơn	152	16,5	135,5	ONT	
52	Võ Duy Nhất	64	42	Thôn Kỳ Sơn	457,6	45,2	412,4	ONT	
53	Trịnh Thanh Tuấn	64	43	Thôn Kỳ Sơn	633,8	4,1	629,7	ONT	
54	Trần Văn Tám	64	44	Thôn Kỳ Sơn	263,4	4,5	258,9	ONT	
55	Đặng Cao Bảy	64	45	Thôn Kỳ Sơn	337,1	3,1	334,0	ONT	
56	Đào Văn Cảnh	64	46	Thôn Kỳ Sơn	314,6	6,1	308,5	ONT	
57	Võ Duy Nhất	64	47	Thôn Kỳ Sơn	75,2	6,8	68,4	HNK	
58	Võ Thị Công	64	48	Thôn Kỳ Sơn	150,9	24,5	126,4	HNK	
59	Đặng Ngọc Hoàng	64	51	Thôn Kỳ Sơn	301,3	4,9	296,4	ONT	
60	Đặng Cao Mai	64	52	Thôn Kỳ Sơn	227,7	19,6	208,1	ONT	
61	Đặng Cao Cường	64	53	Thôn Kỳ Sơn	44,3	13,9	30,4	CLN	
62	Châu Thành Chương	64	55	Thôn Kỳ Sơn	174,6	2,9	171,7	ONT	
63	Trần Thanh Dự	64	56	Thôn Kỳ Sơn	132,2	2,1	130,1	ONT	
64	Đặng Cao Tú	64	60	Thôn Kỳ Sơn	794,7	4,5	790,2	ONT	
66	Phan Thị Kiều	63	61	Thôn Kỳ Sơn	348,7	3	345,7	ONT	
67	Nguyễn Thị Ngọc Bích	63	62	Thôn Kỳ Sơn	306,1	32,5	273,6	ONT	
68	Trần Ngọc Phước	64	62	Thôn Kỳ Sơn	402,1	8,1	394,0	ONT	
69	Đặng Văn Mạnh	64	63	Thôn Kỳ Sơn	107,8	1,7	106,1	ONT	
70	Nguyễn Thành Hòa	63	64	Thôn Kỳ Sơn	1090,4	26,5	1063,9	ONT	

72	Đỗ Thị Ngọc	64	66	Thôn Kỳ Sơn	334,7	2,5	332,2	ONT	
73	Trần Văn Thâu	64	67	Thôn Kỳ Sơn	181,3	2,8	178,5	ONT	
74	Nguyễn Văn Thành	64	68	Thôn Kỳ Sơn	257,1	3,1	254,0	ONT	
75	Trương Thị Thanh	64	69	Thôn Kỳ Sơn	252,6	0,8	251,8	ONT	
76	Hồ Hồng Quân	63	72	Thôn Kỳ Sơn	202,7	1,6	201,1	ONT	
77	Nguyễn Nam Thắng	64	72	Thôn Kỳ Sơn	278,2	5,8	272,4	ONT	
78	Phan Thanh Hà	63	73	Thôn Kỳ Sơn	197,5	4,6	192,9	ONT	
79	Miêu	64	73	Thôn Kỳ Sơn	159,8	17,6	142,2	TIN	
80	Nguyễn Minh Tấn	64	74	Thôn Kỳ Sơn	229,3	1,3	228,0	ONT	
81	Nguyễn Thái Anh	63	74	Thôn Kỳ Sơn	170,1	1,5	168,6	ONT	
82	Hồ Hồng Quân	63	75	Thôn Kỳ Sơn	228,1	0,02	228,1	ONT	
83	Nguyễn Thành Được	64	76	Thôn Kỳ Sơn	435,6	1,2	434,4	ONT	
84	Trần Văn Thọ	63	76	Thôn Kỳ Sơn	241,4	6,6	234,8	ONT	
86	Đặng Thị Nguyệt ánh	64	79	Thôn Kỳ Sơn	963	5,4	957,6	ONT	
87	UBND xã	64	80	Thôn Kỳ Sơn	100,8	13,2	87,6	NTD	
88	Trương Văn Tiến	64	82	Thôn Kỳ Sơn	458,4	6	452,4	ONT	
89	Đinh Thị Rôm	63	82	Thôn Kỳ Sơn	495,6	2,2	493,4	ONT	
91	Lê Đăng Liên	63	84	Thôn Kỳ Sơn	340	22,5	317,5	ONT	
92	Lê Văn Phúc	64	85	Thôn Kỳ Sơn	1122,7	17,3	1105,4	ONT	
93	Lương Thị Cảnh	64	86	Thôn Kỳ Sơn	382,6	8,6	374,0	ONT	
94	Trương Đắc Thống	63	90	Thôn Kỳ Sơn	1569	1,5	1567,5	ONT	
95	Nguyễn Thị Lý	63	97	Thôn Kỳ Sơn	600,2	6,5	593,7	ONT	
96	Nguyễn Thế Hùng	63	98	Thôn Kỳ Sơn	365,2	22,4	342,8	ONT	
97	Nguyễn Thị Bảy	63	99	Thôn Kỳ Sơn	269,2	4,2	265,0	ONT	

98	Trần Xuân Phúc	63	100	Thôn Kỳ Sơn	156,2	15,3	140,9	ONT	
99	Lê Văn Quang	63	101	Thôn Kỳ Sơn	541	12,7	528,3	ONT	
100	Lê Văn Chưa	63	102	Thôn Kỳ Sơn	403,1	21,8	381,3	ONT	
102	Phạm Văn Trung	63	112	Thôn Kỳ Sơn	459,9	7,2	452,7	ONT	
103	Nguyễn Chí Linh	63	113	Thôn Kỳ Sơn	216,9	4,3	212,6	ONT	
104	Võ Thị Bích Liên	63	114	Thôn Kỳ Sơn	385,7	5,8	379,9	ONT	
105	Hồ Xuân Tư	63	115	Thôn Kỳ Sơn	94	18,9	75,1	ONT	
106	Hồ Xuân Sanh	63	116	Thôn Kỳ Sơn	314,7	27,7	287,0	ONT	
107	Lê Thị Lợi	63	117	Thôn Kỳ Sơn	208,1	7,4	200,7	ONT	
108	Nguyễn Thị Lân	63	118	Thôn Kỳ Sơn	544,4	5,4	539,0	ONT	
109	Phan Trọng Chính	63	122	Thôn Kỳ Sơn	409,9	5,4	404,5	ONT	
110	Phan Đức Nguyên	63	123	Thôn Kỳ Sơn	285,7	5,5	280,2	ONT	
111	Phan Đức Lợi	63	124	Thôn Kỳ Sơn	736,7	11,1	725,6	ONT	
112	Phan Ngọc Minh	63	125	Thôn Kỳ Sơn	590,8	43,7	547,1	ONT	
113	Trần Văn Hùng	63	126	Thôn Kỳ Sơn	398,5	4,6	393,9	ONT	
114	Võ Đại Bình	63	129	Thôn Kỳ Sơn	569,1	6,2	562,9	ONT	
115	Phan Thị Tiên	63	130	Thôn Kỳ Sơn	531,8	4,5	527,3	ONT	
116	Đặng Minh Tấn	63	131	Thôn Kỳ Sơn	1965,1	25	1940,1	ONT	
117	Nguyễn Hữu May	63	133	Thôn Kỳ Sơn	234,1	27	207,1	ONT	
118	Phạm Quang Sang	63	134	Thôn Kỳ Sơn	90,7	0,9	89,8	ONT	
119	Võ Thanh Bá	63	135	Thôn Kỳ Sơn	173,5	3,3	170,2	ONT	
120	Lê Thanh Bình	63	145	Thôn Kỳ Sơn	114,1	6	108,1	ONT	
121	Võ Thị Nhã	63	146	Thôn Kỳ Sơn	158,4	13,4	145,0	ONT	
122	Trương Đình ản	63	147	Thôn Kỳ Sơn	285,3	47,1	238,2	ONT	
123	Đặng Minh Khoa	63	150	Thôn Kỳ Sơn	1486,9	1,2	1485,7	ONT	
124	Lê Liễn	63	152	Thôn Kỳ Sơn	478,5	20	458,5	ONT	
125	Phan Văn Liêm	63	160	Thôn Kỳ Sơn	322,1	2,6	319,5	ONT	

126	Lê Kim Dung	63	161	Thôn Kỳ Sơn	717	30,2	686,8	ONT	
127	UBND xã	63	163	Thôn Kỳ Sơn	2611,8	97,2	2514,6	BCS	
128	Trần Văn Hương	63	164	Thôn Kỳ Sơn	194,5	41,7	152,8	ONT	
129	Trần Minh Cảnh	63	165	Thôn Kỳ Sơn	132,9	17,2	115,7	ONT	
130	Trần Văn Bộ	63	166	Thôn Kỳ Sơn	143,3	7,1	136,2	ONT	
131	Dương Thị Tuyết	63	168	Thôn Kỳ Sơn	47,1	4,5	42,6	ONT	
132	Đặng Cao Phong	63	169	Thôn Kỳ Sơn	1003,3	15,1	988,2	ONT	
133	Nguyễn Văn Tia	63	170	Thôn Kỳ Sơn	414,5	22,8	391,7	ONT	
134	Trần Trọng Vũ	63	171	Thôn Kỳ Sơn	144,8	16,4	128,4	ONT	
135	Lê Thị Nhung	63	174	Thôn Kỳ Sơn	690,2	22,8	667,4	ONT	
136	Nguyễn Thanh Liêm	63	175	Thôn Kỳ Sơn	403	14,4	388,6	ONT	
137	Lê Công Hải	63	176	Thôn Kỳ Sơn	289,6	12	277,6	ONT	
138	Nguyễn Thế Phùng	63	177	Thôn Kỳ Sơn	604,4	26,7	577,7	ONT	
139	Phan Văn Bằng	63	184	Thôn Kỳ Sơn	230,9	17,1	213,8	ONT	
140	Nguyễn Văn Tia	63	197	Thôn Kỳ Sơn	467,5	27,8	439,7	ONT	
141	Nguyễn Thị Hồng	61	300	Thôn Kỳ Sơn	310,1	1,5	308,6	ONT	
142	Nguyễn Tấn Tài	61	301	Thôn Kỳ Sơn	283,7	4,8	278,9	ONT	
143	Nguyễn Tấn Bộ	61	302	Thôn Kỳ Sơn	392,1	16	376,1	ONT	
Tổng					66.889,4	12.712,7	54.176,7		